TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM – ST
Ngày: 26/3/2026
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thành Thông.

2. Bà Trần Thị Kim Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01a/2026/QĐXXST – KDTM ngày 13/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117a/2026/QĐST-KDTM ngày 11/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1976 – Chủ hộ kinh doanh Lê Quốc T (số CCCD: 083076011254).

Địa chỉ: Số F, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975; Ông Lê Minh T1, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4.

Địa chỉ: đường H, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T2 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Minh T1 trình bày:

Từ khoảng năm 2021, ông Lê Quốc T có hợp đồng (miệng) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 (gọi tắt là công ty T4), theo đó, công ty T4 có mua vật tư xây dựng của ông T để thực hiện các công trình. Tính đến ngày 25/01/2025, công tỷ Vạn T3 xác nhận còn nợ ông T số tiền là 83.148.000 đồng, hứa sẽ thanh toán cho ông T nhưng đến nay Công ty vẫn không thanh toán tiền cho ông T. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc công ty T4 trả cho ông Lê Quốc T số tiền mua bán vật tư xây dựng còn nợ là 83.148.000 đồng (Tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 (người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh T2) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Nguyên đơn ông Lê Quốc T yêu cầu bị đơn là công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 (sau đây gọi tắt là công ty T4) phải trả số tiền mua bán vật tư xây dựng còn nợ là 83.148.000 đồng (Tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Xét thấy, căn cứ vào "Giấy viết tay không tiêu đề" có nội dung thể hiện: Ngày 27/12/2024 công ty T4 còn công nợ 88.148.000 đ (tám mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) cửa hàng Q; ngày 25/01/2025 công ty T4 gửi công nợ: 5.000.000 đ, còn lại: 83.148.000 đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn là công ty T4, tuy nhiên công ty T4 vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của công ty T4 đối với yêu cầu của nguyên đơn ông T, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn ông T đưa ra.

[3] Vì vậy, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định công ty T4 còn nợ ông Lê Quốc T số tiền mua bán vật liệu xây dựng

còn nợ là 83.148.000 đồng. Xét thấy, công ty T4 là bên mua hàng đã tham gia giao dịch về mua bán với ông T (hộ kinh doanh Lê Quốc T) nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc công ty T4 phải hoàn trả cho ông T số tiền 83.148.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430 và 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005. Việc ông T không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của ông nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn công ty T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: 83.148.000 đồng x 5% = 4.157.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc T.

Buộc công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 phải trả cho ông Lê Quốc T số tiền là 83.148.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Ghi nhận ông Lê Quốc T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.157.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

H1 lại cho ông Lê Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.157.400 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008700 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt